

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định mức thu học phí năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 30/03/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐT ngày 24/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị Quyết số 14/NQ-HĐT của Chủ tịch Hội đồng trường ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc phê duyệt phương án thu học phí năm học 2022-2023;

Căn cứ biên bản họp xác định mức thu học phí năm học 2022-2023 của trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông ngày 29 tháng 07 năm 2022;

Căn cứ Thông báo số 308/TB-NHNN ngày 29/7/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc công bố tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với đồng Đô la Mỹ áp dụng ngày 29/7/2022;

Theo đề nghị của Lãnh đạo phòng Phòng CT-HSSV, Phòng Đào tạo và Phòng Kế hoạch tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định mức thu học phí năm học 2022-2023 của trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông (có quy định chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ học kì I năm học 2022-2023. Các Quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.



Điều 3. Trường các đơn vị có liên quan và tất cả các học viên, sinh viên trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, CT HSSV.



HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS. Phùng Trung Nghĩa

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

QUY ĐỊNH

Mức thu học phí năm học 2022-2023

của trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông

(Kèm theo Quyết định số 588/QĐ-ĐHCNTT&TT ngày 05 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường ĐHCNTT&TT)

1. ĐẠI HỌC

1.1. Hệ chính quy

1.1.1. Chương trình đào tạo đại trà

ĐVT: đồng

STT	Khối ngành	Khóa 17	Khóa 18-19	Khóa 20-21
1	II: Nghệ thuật			
	Thiết kế đồ họa	372.000	369.200	387.000
2	III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật			
	Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Thương mại điện tử; Kinh tế số	387.500	384.600	403.200
3	V: Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...			
	Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Truyền thông và mạng máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; An toàn thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ ô tô và Giao thông thông minh; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật cơ điện tử thông minh và robot.	453.000	450.000	467.700
4	VII: Báo chí và thông tin...			
	Truyền thông đa phương tiện; Công nghệ truyền thông	372.000	369.200	387.000

Đối với các Khóa đã đào tạo chưa thể hiện trong bảng giá trên, đơn giá tín chỉ học phần được tính bằng đơn giá Khóa 18-19.

1.1.2. Chương trình đào tạo chất lượng cao

Mức thu học phí chương trình đào tạo chất lượng cao ngành công nghệ thông tin (khóa 18-19): 675.000 đ/tín chỉ.

Mức thu học phí chương trình đào tạo chất lượng cao ngành công nghệ thông tin (khóa 20-21): 700.000 đ/tín chỉ.

1.1.3. Chương trình liên kết đào tạo

Mức thu học phí chương trình liên kết đào tạo quốc tế ngành kỹ thuật phần mềm giữa trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông với trường Đại học Quốc gia Kyungpook, Hàn Quốc:

Mức thu học phí theo học kỳ: 1.000 USD, quy đổi sang VN đồng: 23.176 đồng/1USD.

1.2. Hệ Vừa làm vừa học

Đơn giá tín chỉ được tính không vượt quá 1,5 lần đơn giá tín chỉ của hệ đại học chính quy khóa, ngành tương ứng.

DVT: đồng

STT	Khối ngành	Khóa 17	Khóa 18-19	Khóa 20-21
1	II: Nghệ thuật			
	Thiết kế đồ họa	558.000	553.800	580.500
2	III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật			
	Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Thương mại điện tử; Kinh tế số	581.250	576.900	604.800
3	V: Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...			
	Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Truyền thông và mạng máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; An toàn thông tin; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ ô tô và Giao thông thông minh; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật cơ điện tử thông minh và robot.	679.650	675.000	701.550
4	VII: Báo chí và thông tin...			
	Truyền thông đa phương tiện; Công nghệ truyền thông	558.000	553.800	580.500

Đối với các Khóa đã đào tạo chưa thể hiện trong bảng giá trên, đơn giá tín chỉ học phần được tính bằng đơn giá Khóa 18-19.

Sinh viên khối ngành kỹ thuật, công nghệ đã hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân, nếu có nguyện vọng được cấp bằng kỹ sư phải đăng ký học các học phần bổ sung.

Đơn giá tín chỉ các học phần học bổ sung được tính bằng đơn giá tín chỉ ngành, loại hình tương ứng ở trên.

2. SAU ĐẠI HỌC

2.1. Thạc sĩ

TT	Khối ngành	Đơn giá tín chỉ (đồng/tín chỉ)	Đơn giá (đồng/tháng)
I	III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật		
1	Hệ thống thông tin quản lý	625.000	1.875.000
II	V: Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật...		
1	Khoa học máy tính	725.000	2.175.000
2	Kỹ thuật viễn thông	694.000	
3	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	725.000	

2.2. Tiến sĩ

Kinh phí đào tạo sẽ được tính theo tháng, đơn giá gấp 2,5 lần so với đại học chính quy. Cụ thể là:

+ Khối ngành kinh doanh và quản lý: 3.125.000đồng/tháng

+ Khối ngành máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật: 3.625.000
đồng/tháng.

